

Bản án số: 176/2018/HSST
Ngày: 12/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trung Bắc** và bà **Vũ Thị Khuôn**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Phương** -
Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà
Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 149/2018/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2018/HSST-QĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Thị L**, sinh năm 1977. Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Thôn Bảo N, xã Thái B, huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Ngô Tiến C và bà Ngô Thị C (đều đã chết); Gia đình có 5 anh em, bị cáo là con thứ năm. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2018 chuyển tạm giam từ ngày 27/4/2018 đến nay tại Trại tạm giam-Công an tỉnh Hải Dương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Ông Phạm Quang T, sinh năm 1958.

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Cụm 6, thị trấn Gia L, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978;

Đăng ký hộ khẩu: Thôn T xã Văn H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Cư trú: Khu 2 phường Cẩm T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Anh Trần Khắc C, sinh năm 1974

Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Xóm 5, Thôn Văn D, xã Hưng T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972

Đăng ký hộ khẩu: Thôn C, xã Đoàn T, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương.

Cư trú: Khu 6 phường Cẩm T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

4. Anh Đào Duy Th, sinh năm 1980

Đăng ký hộ khẩu: thôn My Đ, xã Tiền P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Cư trú: Khu 8 phường Hải T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Điều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Thị L và Nguyễn Thị N ở Thôn Cáy, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương là bạn cùng làm tại Công ty Samil Hà Nội Vina thuộc địa bàn phường Cẩm Thượng, thành phố H. Ông Phạm Quang T; đăng ký hộ khẩu và cư trú ở Cụm 6, thị trấn Gia L, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương là bạn mới quen của L và N. Ngày 31/01/2012 ông T, N và L đi chơi cùng nhau. N thấy ông T có nhiều tiền và có dây chuyền vàng đeo ở cổ nên ngày 01/02/2012, N nói chuyện với Trần Khắc C là bạn trai của N rằng có quen một người có tiền, dây chuyền. C gọi điện cho Nguyễn Văn Đ nói lại sự việc trên, Đ rủ C “Cứ bảo cái N rủ ông ấy vào nhà nghỉ rồi cả bọn đi theo tao nhận N làm vợ rồi đánh cho ông ấy một trận và phạt tiền”, C đồng ý và bảo N hẹn ông T đi chơi. Chiều ngày 01/02/2012 N gọi điện cho ông T rủ đi chơi, ông T đồng ý. Khoảng 20h cùng ngày, C đi xe máy nhãn hiệu Dream mượn của anh H ở Thanh M, Hải Dương (là bạn mới quen của C, không rõ địa chỉ), sau đó đến phòng trọ của N, tại đây có L, Hoàng Văn V và Hoàng Hữu Đ1 đều ở xã Phúc K, huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ (là những người trọ cùng dãy trọ với N) đến chơi nên C và N ra ngoài bàn việc N sẽ rủ ông T vào nhà nghỉ để C và mọi người đi sau đánh ghen bắt ông T phải đưa tiền, N đồng ý. Lúc đó L đi từ trong nhà ra, C nói với L “tí nữa N rủ ông T đi nhà nghỉ, bọn anh đi theo đánh ghen và phạt tiền, em cứ đi trông xe cho anh còn việc khác cứ để anh lo”, L đồng ý và nói “đúng rồi, thằng này già và dê lắm, thái độ thế đã ghét rồi, phạt cho ông ấy một trận”. Lúc này Đ đi xe máy Win màu đỏ (xe mượn của H là bạn mới quen, không rõ họ, địa chỉ) đến đỗ ở đầu phòng trọ của N, N và L vào phòng thì V và Đ1 đi về phòng của mình. Trong lúc đứng chờ mọi người thì Đ gọi điện cho Đào Duy Th rủ đi đánh ghen hộ người bạn và hẹn gặp ở khu vực đường cắt giữa đường tàu và đường Đ, Duy Th đồng ý. Đến khoảng 21h00phút cùng ngày, N đi bộ ra khu vực đầu đường Phan Đình P thuộc khu 6, phường C, thành phố H như đã hẹn với ông T còn C chở L cùng Đ đi theo sau. Đến khoảng 21h30 phút cùng ngày thì Duy Th đi xe máy nhãn hiệu Airblade (xe mượn của anh Hùng mới quen không rõ địa chỉ) đến chỗ hẹn. Đ chỉ về phía đôi nam nữ đang đi xe máy Dream và bảo đi theo. ông T chở N đến đường Đ, rủ N vào uống cà phê, lúc đó C gọi điện cho N bảo “sao không vào nhà nghỉ”, thấy vậy N nói dối ông T “ở đây có người quen nên không tiện vào” và rủ ông T tìm chỗ nào kín đáo để nói chuyện, ông T đồng ý và chở N đến nhà nghỉ LN ở số 7 Đình Văn T, phường B, thành phố

H do chị Trương Thị H ở xã Thanh X, huyện T, tỉnh Hải Dương làm quản lý và thuê phòng 205. ông T lên phòng trước, N quan sát thấy C, L, Đ, Duy Th đứng ở ngoài nên N lên phòng nghỉ. Ngay sau đó, Đ và Duy Th chạy lên phòng 205 (do cửa phòng vẫn mở), Đ chạy vào nói với ông T “sao mày đi với vợ tao”, ông T chưa kịp nói gì thì Đ và Duy Th xông vào dùng chân tay đánh vào mặt và bụng ông T, ông T hô “cướp, cướp”, một lúc sau Đ bảo Duy Th xuống nhà lấy giấy bút lập biên bản. Lúc này C chạy lên phòng 205 còn L đứng dưới trông xe cảnh giới. Lúc đó Đ túm cổ áo ông T không thấy dây chuyền đâu nên hỏi “dây chuyền đâu?” thì C thấy một đầu dây chuyền ở túi quần của ông T thò ra nên C lấy sợi dây chuyền, rồi cùng Đ tiếp tục dùng chân tay đánh ông T. Đ đê ông T ra giường dùng tay móc ví ở túi quần sau ông T bên trong có 1.900.000đ đưa cho Duy Th. Duy Th mở ví lấy chứng minh thư nhân dân, giấy phép lái xe trả lại cho ông T. Sau đó, C, Đ, Duy Th chạy xuống dưới tầng 1, C chở L về phòng trọ. L vào phòng trọ của anh Việt, anh Đạt nói rằng “Bạn N đưa N vào nhà nghỉ thì bạn C xông vào nhận làm vợ và đánh bạn trai N, sau đó lấy được ví và dây chuyền”. N xuống sau thì bị chị Hương và ông T giữ lại trình báo Cơ quan CSĐT Công an thành phố H. Ngày 04/2/2012 Duy Th và Đ đưa cho C chiếc ví bên trong còn 900.000đ của ông T. Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an thành phố H bắt khẩn cấp Trần Khắc C, thu giữ trên người C 01 dây chuyền, 01 ví da bên trong có 900.000đ của ông T; Nguyễn Văn Đ, Đào Duy Th đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL- HĐĐG ngày 21/2/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố H kết luận: Sợi dây chuyền vàng ta, có trọng lượng 10 chỉ có trị giá 44.799.000đồng; Một ví da màu nâu có trị giá 45.000đồng. Tổng cộng 44.844.000đồng (*Bốn mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội Ngô Thị L đã bỏ trốn, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã ra Quyết định truy nã và Quyết định tách vụ án; đến ngày 24/4/2018 L bị bắt theo lệnh truy nã.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 108/2012/HSST ngày 05/7/2012 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Tại Cáo trạng số 159/CT-VKSTPHD ngày 06/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Ngô Thị L về tội “Cướp tài sản” theo qui định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến hay khiếu nại gì. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Người bị hại là ông Phạm Quang T xác định đã nhận lại tài sản và số tiền bồi thường nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác; đồng thời có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Ngô Thị L phạm tội “Cướp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Ngô Thị L từ 05 (năm) năm 03 (ba) tháng đến 05 (năm) năm 09 (chín) tháng, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/4/2018; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết; Về vật chứng: Không phải giải quyết; Về án phí: Bị cáo phạm tội nên buộc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người hại (Bút lục số 81-90), phù hợp với lời khai của những người làm chứng (bút lục số từ 118-161, 273-276) và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Do có sự bàn bạc từ trước nên khoảng 21h30phút ngày 01/02/2012 tại phòng 205 nhà nghỉ LN ở số 7 Đinh Văn T, phường B, thành phố H, Ngô Thị L cùng Nguyễn Văn Đ, Trần Khắc C, Nguyễn Thị N và Đào Duy Th dùng tay, chân đánh ông Phạm Quang T ở Cùm 6, TT Gia L, huyện Gia L, tỉnh Hải Dương chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền bằng vàng 9999 trọng lượng 10 chỉ, 01 ví da bên trong có 1.900.000đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 46.744.000đồng (*Bốn sáu triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*). Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý không yên tâm cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi dùng tay chân đánh vào mặt, vào bụng ông T, dè ra giường khiến ông T không thể chống cự được sau đó chiếm đoạt dây chuyền vàng, ví tiền của ông T là vi phạm pháp luật hình sự

nhưng vì động cơ tư lợi, lười lao động lại muốn có tiền tiêu sài nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Trong vụ án này, Nguyễn Văn Đ là người đề xuất và cùng Trần Khắc C, Nguyễn Thị N, Đào Duy Th trực tiếp thực hiện tội phạm, Ngô Thị L tham gia với vai trò giúp sức (trông xe cảnh giới). Giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 46.744.000đồng. Tuy nhiên hành vi phạm tội của Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị N, Trần Khắc C và Đào Duy Th đã được TAND thành phố H xét lý tại bản án số 108/2012/HSST ngày 05/7/2012. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội L đã bỏ trốn, ngày 24/4/2018 bị bắt tại phường Trang Mỹ T, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh theo lệnh truy nã số 25 ngày 10/4/2012 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố H. Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội được qui định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi năm 2009, nay qui định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự 2015; hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Do vậy, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H về tội danh và điều luật với bị cáo L là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật. Cần áp dụng một hình phạt nghiêm, có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS) của bị cáo thì thấy: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố. Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã ra Quyết định truy nã và Quyết định tách vụ án. Do vậy, xác định bị cáo có ý thức coi thường pháp luật; Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS; Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn; đó là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập và không tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Phạm Quang T đã xác nhận nhận lại tài sản và số tiền bồi thường của các bị cáo (Bút lục 81), ông T không yêu cầu gì khác nên không phải giải quyết.

[6] Về vật chứng: Đã được giải quyết tại bản số 108/2012/HSST ngày 05/7/2012 của Tòa án nhân dân thành phố H nên không phải giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên buộc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Tuyên bố bị cáo Ngô Thị L phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị L **05** (năm) năm, **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 26/4/2018.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Ngô Thị L phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/9/2018); Người bị hại (ông T) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H.
- VKSND tỉnh Hải Dương.
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố H.
- Chi cục THADS thành phố H.
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Tố Uyên